

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: <u>12280</u>
	Giờ: Ngày <u>9</u> tháng <u>4</u> năm <u>13</u>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 38
8. Phụ lục	39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000010 ngày 22 tháng 9 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 23 tháng 5 năm 2006 với nội dung tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 17 tháng 7 năm 2009 và lần thứ tư ngày 19 tháng 8 năm 2010 với nội dung tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 272.236.470.000 VND

Trong đó:

	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	12,50
Các cổ đông khác	238.212.810.000	87,50
Cộng	272.236.470.000	100,00

Vốn pháp định : 6.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836130

Fax : (061) 3836023

Mã số thuế : 3600475018

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần tắm lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Sản xuất, mua bán Clinker; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu năm nay tăng mạnh so với năm trước chủ yếu do Công ty chuyển sang hình thức bán xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh thay vì chỉ gia công như các năm trước. Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay giảm sút so với năm trước chủ yếu là do chi phí lãi vay không còn được vốn hóa và chi phí khấu hao tăng mạnh do đã đưa Nhà máy xi măng Nhơn Trạch vào hoạt động. Tuy nhiên số lỗ được giảm bớt do Công ty thực hiện xóa sổ nợ phải trả liên quan đến việc xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch và ghi nhận thu nhập do nhà thầu tự ý bỏ công trình.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Trong năm, Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 5 năm 2012 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận mà Công ty đã tạm trích lập trong năm 2011 như sau:

- Chia cổ tức	: 27.223.647.000 VND
- Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	: 3.006.478.387 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	: 1.503.239.193 VND

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 04 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thanh	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 07 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 05 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 03 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẦM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần tầm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Công Lý
Chủ tịch

Ngày 05 tháng 4 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0447/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2013, từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

- Công ty thực hiện xóa sổ công nợ phải trả đối với nhà thầu China Machine - Building International Corp bằng cách cân trừ với công nợ phải thu của Công ty cổ phần vận tải An Tôn là 8.564.107.603 VND và ghi nhận vào thu nhập là 33.993.181.797 VND. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện xóa sổ và ghi nhận vào thu nhập khoản công nợ phải trả Công ty TNHH Hwan Tai Việt Nam với số tiền là 2.568.720.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để đảm bảo cho tính hợp lý của việc ghi nhận vào thu nhập các khoản công nợ phải trả này.
- Báo cáo kiểm toán năm 2011 có nêu ý kiến ngoại trừ do chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của các chi phí liên quan đến chạy thử (bao gồm cả chi phí lãi vay) từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011 của Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch đã được Công ty vốn hóa với số tiền 76.511.299.453 VND. Cho đến thời điểm này, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của hoạt động chạy thử này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số IV.2 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc xử lý chênh lệch tỷ giá. Trong các năm trước Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Năm 2012, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Các hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC về cơ bản giống như hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái. Nếu chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái thì lợi nhuận sau thuế năm 2012 sẽ là lỗ 43.712.465.153 VND thay vì lỗ 55.183.320.259 VND như đang trình bày.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

clh

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1257/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138.765.720.577	156.545.464.026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.380.978.985	3.917.431.449
1. Tiền	111		5.380.978.985	3.117.431.449
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		62.045.764.055	11.437.310.843
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	58.622.500.953	9.680.482.078
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.355.406.995	1.285.487.328
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.067.856.107	471.341.437
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		64.724.054.967	139.650.584.844
1. Hàng tồn kho	141	V.5	64.724.054.967	139.650.584.844
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.614.922.570	1.540.136.890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	4.383.225.069	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2.231.697.501	1.540.136.890

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.000.082.627.691	1.048.966.465.630
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		910.082.627.691	952.235.600.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	877.174.955.298	880.272.334.609
<i>Nguyên giá</i>	222		1.036.522.174.375	980.548.057.649
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(159.347.219.077)	(100.275.723.040)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	9.075.011.188	9.082.650.170
<i>Nguyên giá</i>	228		9.626.146.689	9.333.877.589
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(551.135.501)	(251.227.419)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	23.832.661.205	62.880.615.641
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90.000.000.000	90.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	6.730.865.210
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	235.900.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	6.494.965.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.138.848.348.268	1.205.511.929.656

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		793.708.572.794	816.659.689.029
I. Nợ ngắn hạn	310		346.138.745.987	385.513.178.984
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	222.695.109.807	209.477.595.402
2. Phải trả người bán	312	V.14	44.649.073.976	65.956.066.783
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	893.971.363	61.513.767.644
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.004.872.887	6.168.820.178
5. Phải trả người lao động	315	V.17	5.140.706.833	4.539.842.782
6. Chi phí phải trả	316		-	3.228.610.250
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	60.189.719.660	28.595.932.204
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	4.565.291.461	6.032.543.741
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		447.569.826.807	431.146.510.045
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	447.569.826.807	427.569.826.807
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	3.576.683.238
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		345.139.775.474	388.852.240.627
I. Vốn chủ sở hữu	410		345.139.775.474	388.852.240.627
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	272.236.470.000	272.236.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.22	-	(11.470.855.106)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.22	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	11.450.902.692	11.450.902.692
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	(26.528.148.927)	28.655.171.332
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.138.848.348.268	1.205.511.929.656

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.23	30.398.249.230	41.615.568.652
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký ợc		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		489,67	448,08
Euro (EUR)		372,78	367,99
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2013



Bùi Thị Hoan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	531.441.454.357	312.131.319.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	531.441.454.357	312.131.319.967
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	492.626.109.273	223.029.973.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.815.345.084	89.101.346.046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.513.045.151	1.072.246.969
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	108.042.531.402	27.475.062.576
Trong đó: chi phí lãi vay	23		107.769.136.942	25.680.686.307
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.978.038.974	4.769.831.439
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18.711.253.475	14.759.563.298
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(94.403.433.616)	43.169.135.702
11. Thu nhập khác	31	VI.7	37.068.760.275	447.753.485
12. Chi phí khác	32	VI.8	723.595.841	601.327.750
13. Lợi nhuận khác	40		36.345.164.434	(153.574.265)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(58.058.269.182)	43.015.561.437
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	465.834.315	9.623.753.042
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(3.340.783.238)	1.272.741.225
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(55.183.320.259)</u>	<u>32.119.067.170</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>(2.027)</u>	<u>1.180</u>

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2013


 Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(58.058.269.182)	43.015.561.437
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 9	59.541.302.156	6.257.586.695
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(15.892.004)	(484.050.762)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 8	(1.294.231.875)	(424.224.753)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	107.769.136.942	25.680.686.307
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		107.942.046.037	74.045.558.924
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.841.179.777)	21.850.174.664
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		74.926.529.877	(99.849.938.733)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(64.420.583.602)	52.251.838.261
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.383.225.069)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(79.023.030.653)	(24.834.043.040)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(4.415.828.944)	(5.230.974.418)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.025.178.129	8.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.467.252.280)	(2.835.128.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.657.346.282)	15.405.487.255
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(17.447.597.552)	(191.048.081.248)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	264.368.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.353.500.000	175.061.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.094.097.552)	(190.608.651.637)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	288.082.391.841	376.175.462.620
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(254.864.877.436)	(203.272.175.170)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		33.217.514.405	172.903.287.450
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.466.070.571	(2.299.876.932)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.917.431.449	6.215.749.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.523.035)	1.559.239
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.380.978.985	3.917.431.449

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2013


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 526 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 547 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu năm nay tăng mạnh so với năm trước chủ yếu do Công ty chuyển sang hình thức bán xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh thay vì chỉ gia công như các năm trước. Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay giảm sút so với năm trước chủ yếu là do chi phí lãi vay không còn được vốn hóa và chi phí khấu hao tăng mạnh do đã đưa Nhà máy xi măng Nhơn Trạch vào hoạt động. Tuy nhiên số lỗ được giảm bớt do Công ty thực hiện xóa sổ nợ phải trả liên quan đến việc xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch và ghi nhận thu nhập do nhà thầu tự ý bỏ công trình.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009. Qui định của Thông tư số 179/2012/TT-BTC thay đổi so với Thông tư số 201/2009/TT-BTC Công ty đang áp dụng về tỷ giá qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm cũng như xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Theo Thông tư 201/2009/TT-BTC, chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, Thông tư số 179/2012/TT-BTC cho phép khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 20%
Máy móc và thiết bị	6,6% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5% - 16,6%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 2%/năm đến 2,5%/năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. **Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

15. **Nguồn vốn kinh doanh**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. **Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bù lỗ của Công ty với mức trích lập hàng năm là 5% lợi nhuận sau thuế và được trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
31/12/2012 : 20.815 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	124.043.389	150.082.793
Tiền gửi ngân hàng	5.256.935.596	2.967.348.656
Các khoản tương đương tiền	-	800.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	5.380.978.985	3.917.431.449

2. Phải thu khác hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	54.307.179.487	-
Các khách hàng khác	4.315.321.466	9.680.482.078
Cộng	58.622.500.953	9.680.482.078

3. Trả trước cho người bán

Trả trước cho các nhà cung cấp về xây dựng cơ bản.

4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế VAT hàng nhập khẩu	832.568.058	-
Thuế VAT nhà thầu	387.307.055	-
Phải thu khác	847.980.994	471.341.437
Cộng	2.067.856.107	471.341.437

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	36.185.997.670	126.298.354.912
Công cụ, dụng cụ	424.558.655	318.141.696
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.593.715	26.235.645
Thành phẩm	28.087.904.927	13.007.852.591
Cộng	64.724.054.967	139.650.584.844

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Các chi phí liên quan đến sự cố hư cần cầu của cảng Nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bên thứ ba bồi thường.

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.200.397.501	1.533.836.890
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	31.300.000	6.300.000
Cộng	2.231.697.501	1.540.136.890

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	431.711.885.704	506.412.730.012	39.763.212.535	2.660.229.398	980.548.057.649
Mua sắm trong năm	-	5.543.307.684	2.096.876.273	645.528.364	8.285.712.321
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	47.917.570.567	-	-	-	47.917.570.567
Phân loại lại tài sản	(1.250.465.868)	1.250.465.868	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(183.540.000)	-	-	(183.540.000)
Giảm theo biên bản xử lý kiểm kê năm 2011	-	-	(45.626.162)	-	(45.626.162)
Số cuối năm	478.378.990.403	513.022.963.564	41.814.462.646	3.305.757.762	1.036.522.174.375
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.105.965.535	51.861.213.329	10.105.980.920	693.919.343	77.767.079.127
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.694.895.178	61.635.665.892	15.092.892.279	852.269.691	100.275.723.040
Khấu hao trong năm	22.255.907.224	32.033.823.134	4.518.718.678	432.945.038	59.241.394.074
Thanh lý, nhượng bán	-	(124.271.875)	-	-	(124.271.875)
Giảm theo biên bản xử lý kiểm kê năm 2011	-	-	(45.626.162)	-	(45.626.162)
Số cuối năm	44.950.802.402	93.545.217.151	19.565.984.795	1.285.214.729	159.347.219.077
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	409.016.990.526	444.777.064.120	24.670.320.256	1.807.959.707	880.272.334.609
Số cuối năm	433.428.188.001	419.477.746.413	22.248.477.851	2.020.543.033	877.174.955.298
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 869.318.216.509 VND và 773.958.648.273 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	215.233.560	9.333.877.589
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	-	292.269.100	292.269.100
Số cuối năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	43.997.560	43.997.560
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	207.309.078	43.918.341	251.227.419
Khấu hao trong năm	233.466.108	66.441.974	299.908.082
Số cuối năm	440.775.186	110.360.315	551.135.501
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.911.334.951	171.315.219	9.082.650.170
Số cuối năm	8.677.868.843	397.142.345	9.075.011.188
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	267.168.373	330.779.787	(292.269.100)	305.679.060
XDCB dở dang	62.613.447.268	8.831.105.444	(47.917.570.567)	23.526.982.145
- Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch	-	8.629.649.897	-	8.629.649.897
- Công trình bến xà lan 30.000 tấn	47.758.901.912	158.668.655	(47.917.570.567)	-
- Công trình đường Phước Khánh đến trạm nghiền(i)	14.854.545.356	(18.001.467)	-	14.836.543.889
- Các công trình khác	-	60.788.359	-	60.788.359
Cộng	62.880.615.641	9.161.885.231	(48.209.839.667)	23.832.661.205

⁽ⁱ⁾ Công trình đường Phước Khánh đến trạm nghiền Công ty thực hiện theo Thông báo của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 04 tháng 6 năm 2009. Hiện tại, công trình đã hoàn thành giai đoạn 1, Công ty đang làm việc với các doanh nghiệp có sử dụng tuyến đường để góp vốn hoàn trả lại chi phí đã chi để xây dựng con đường này nhưng chưa có biên bản chính thức nên chưa kết chuyển giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	235.900.000	132.850.000
Phát sinh trong năm	-	103.050.000
Hoàn nhập trong năm	(235.900.000)	-
Số cuối năm	-	235.900.000

Công ty có khoản lỗ tính thuế trong năm nay chưa sử dụng với số tiền là 44.484.684.257VND.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	222.695.109.807	169.477.595.402
Vay dài hạn đến hạn trả	-	40.000.000.000
Cộng	222.695.109.807	209.477.595.402

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất thả nổi có điều chỉnh được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong năm khoảng 12% - 18%). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.8).

Chi tiết số phát sinh trong năm của các khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	209.477.595.402	98.802.230.472
Số tiền vay phát sinh trong năm	288.082.391.841	273.947.540.100
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	40.000.000.000
Kết chuyển sang vay dài hạn	(20.000.000.000)	-
Số tiền vay đã trả trong năm	(254.864.877.436)	(203.272.175.170)
Số cuối năm	222.695.109.807	209.477.595.402

14. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	2.962.080.000	-
Các nhà cung cấp khác	41.686.993.976	65.956.066.783
Cộng	44.649.073.976	65.956.066.783

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	-	61.486.667.616
Các khách hàng khác	893.971.363	27.100.028
Cộng	893.971.363	61.513.767.644

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	575.039.877	18.122.325.315	(14.734.724.662)	3.962.640.530
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.085.666.544	(7.253.098.486)	832.568.058
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.620.723.401	(3.224.262.421)	396.460.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.559.988.317	465.834.315	(4.415.828.944)	1.609.993.688
Thuế thu nhập cá nhân	30.811.611	465.884.815	(458.565.292)	38.131.134
Thuế tài nguyên	2.980.373	63.629.716	(60.357.700)	6.252.389
Thuế khác	-	1.545.347.068	(386.520.960)	1.158.826.108
Cộng	6.168.820.178	32.369.411.174	(30.533.358.465)	8.004.872.887

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tầm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu	10%
- Nước	5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(58.058.269.182)	43.015.561.437
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.867.184.925	1.514.015.631
- Các khoản điều chỉnh giảm	(943.600.000)	(6.034.564.901)
Thu nhập chịu thuế	(43.134.684.257)	38.495.012.167
Thu nhập được miễn thuế	(1.350.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	(44.484.684.257)	38.495.012.167
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	9.623.753.042
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	465.834.315	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	465.834.315	9.623.753.042

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất	1%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	3%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng	6%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả người lao động

- Quỹ tiền lương tại nhà máy Biên Hòa I được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:
 - Xi măng : 24.000 VND/tấn
 - Tắm lọc : 2.300 VND/m²
 - Gạch : 350 VND/viên
- Từ tháng 3 năm 2012 lương của nhân viên tại Nhà máy Nhơn Trạch được tính theo lương khoán.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	818.496.948	377.503.119
Kinh phí công đoàn	383.000.614	203.227.397
Bảo hiểm thất nghiệp	105.589.719	42.241.441
Cổ tức phải trả	27.271.285.675	27.271.285.675
Lãi vay phải trả	30.379.261.289	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	691.300.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	540.785.415	701.674.572
Cộng	60.189.719.660	28.595.932.204

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.376.019.769	(1.188.920.000)	2.187.099.769
Quỹ phúc lợi	2.656.523.972	(278.332.280)	2.378.191.692
Cộng	6.032.543.741	(1.467.252.280)	4.565.291.461

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay theo phương pháp thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong năm khoảng từ 15%-20%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	-	40.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	447.569.826.807	348.000.000.000
Trên 5 năm	-	79.569.826.807
Tổng nợ	447.569.826.807	467.569.826.807

Chi tiết số phát sinh về khoản vay

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	427.569.826.807	365.341.904.287
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	102.227.922.520
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(40.000.000.000)
Kết chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả	20.000.000.000	-
Số cuối năm	447.569.826.807	427.569.826.807

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.576.683.238	2.200.892.013
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(3.576.683.238)	1.375.791.225
Số cuối năm	-	3.576.683.238

22. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Cổ tức

Trong năm Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	25.042.476.730	34.815.011.152
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	5.355.772.500	6.800.557.500
Cộng	30.398.249.230	41.615.568.652

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	531.441.454.357	312.131.319.967
<i>Doanh thu bán tấm lợp</i>	226.746.504.097	225.060.813.091
<i>Doanh thu bán xi măng</i>	301.118.383.940	80.762.410.440
<i>Doanh thu bán thành phẩm khác</i>	1.072.915.630	5.188.366.206
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2.503.650.690	1.119.730.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	531.441.454.357	312.131.319.967

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của tấm lọc và thành phẩm khác đã cung cấp	158.606.193.677	161.546.704.715
Giá vốn xi măng	333.275.024.761	61.022.043.268
Giá vốn khác	744.890.835	461.225.938
Cộng	492.626.109.273	223.029.973.921

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.246.201	110.628.161
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.500.000	175.061.111
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.350.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.817.777	185.510.935
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.892.004	484.050.762
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.589.169	116.996.000
Cộng	1.513.045.151	1.072.246.969

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	107.769.136.942	25.680.686.307
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	273.394.460	1.794.376.269
Cộng	108.042.531.402	27.475.062.576

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.642.446.618	2.255.551.343
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.482.526.189	305.665.241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.962.083.917	285.165.698
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.559.380.249	1.480.370.212
Chi phí khác	331.602.001	443.078.945
Cộng	7.978.038.974	4.769.831.439

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.820.242.552	3.662.128.562
Chi phí vật liệu quản lý	1.813.082.152	42.722.398
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	1.251.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.641.937.694	1.524.917.316
Thuế, phí và lệ phí	238.286.958	91.080.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.762.519.919	5.079.341.280
Chi phí khác	4.435.184.200	4.358.121.614
Cộng	18.711.253.475	14.759.563.298

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	264.368.500
Các khoản nợ xác định không phải trả	36.576.191.073	-
Thu nhập khác	492.569.202	183.384.985
Cộng	37.068.760.275	447.753.485

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	59.268.125	15.204.858
Thuế bị phạt, bị truy thu	489.873.271	534.216.609
Phạt hành chính	77.080.000	-
Chi phí khác	97.374.445	51.906.283
Cộng	723.595.841	601.327.750

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	235.900.000	(103.050.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.576.683.238)	1.375.791.225
Cộng	(3.340.783.238)	1.272.741.225

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(55.183.320.259)	32.119.067.170
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(55.183.320.259)	32.119.067.170
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.027)	1.180

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390.350.604.573	230.487.803.140
Chi phí nhân công	36.547.317.951	29.489.210.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.541.302.156	6.257.586.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.765.549.343	32.560.188.470
Chi phí khác	5.472.480.504	5.103.708.422
Cộng	533.677.254.527	303.898.496.916

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Ngày 22 tháng 5 năm 2012, Công ty đã kiện Công ty All Ocean Transportation Inc vì đã đâm vào cần cầu của Cảng Nhà máy xi măng Công Thanh và hy vọng sẽ được thanh toán một khoản tiền thiệt hại 181.284.000.000 VND. Ngày 07 tháng 6 năm 2012, Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 41/2012/QĐ.BTHBPĐ buộc Công ty All Ocean Transportation Inc thực hiện bảo lãnh ngân hàng với số tiền là 7.500.000,00 USD để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tàu YM Intelligent. Ngày 26 tháng 10 năm 2012, Công ty tiếp tục có đơn kiện bổ sung yêu cầu Công ty All Ocean Transportation Inc phải bồi thường 518.870.844.107 VND thay vì 181.284.000.000 VND như yêu cầu ban đầu. Mặc dù Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện nhiều lần hòa giải nhưng vẫn chưa xác định được số tiền thiệt hại mà Công ty sẽ được bồi thường.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Vay tiền	870.000.000	3.390.000.000
Ứng tiền mua tiền hàng	550.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có công nợ phải trả các thành viên quản lý chủ chốt là 550.000.000 VND (cuối năm trước là 0 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.617.878.299	1.383.391.904
Thù lao và các khoản khác	759.800.000	319.200.000
Cộng	2.377.678.299	1.702.591.904

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	194.081.606.547	173.237.033.766
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	301.984.332.430	81.058.937.800
Vay	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh		
Mua tài sản cố định	639.375.000	1.202.252.975
Mua công cụ dụng cụ	13.200.000	-
Dịch vụ bảo hành	31.565.875	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Phải thu tiền hàng	54.307.179.487	-
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh		
Trả trước tiền mua tài sản cố định	-	358.916.250
Cộng nợ phải thu	54.307.179.487	358.916.250
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	2.962.080.000	-
Nhận trước tiền gia công	-	61.486.667.616
Cộng nợ phải trả	2.962.080.000	61.486.667.616

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm tắm lọc: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tắm lọc
- Sản phẩm xi măng: sản xuất xi măng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh các sản phẩm tắm lọc</u>	<u>Kinh doanh sản phẩm xi măng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	226.746.504.097	301.118.383.940	3.576.566.320	-	531.441.454.357
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	72.947.000	-	67.982.550	(140.929.550)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.819.451.097	301.118.383.940	3.644.548.870	(140.929.550)	531.441.454.357
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	56.683.147.101	(43.182.019.380)	(1.375.075.086)	-	12.126.052.635
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					12.126.052.635
Doanh thu hoạt động tài chính					1.513.045.151

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lọc	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí tài chính					(108.042.531.402)
Thu nhập khác					37.068.760.275
Chi phí khác					(723.595.841)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(465.834.315)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.340.783.238
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(55.183.320.259)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.885.634.957	9.443.284.504	1.118.678.091	-	17.447.597.552
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.231.999.687	53.527.685.774	4.781.616.695	-	59.541.302.156
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	225.060.813.091	80.762.410.440	6.308.096.436	-	312.131.319.967
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	225.060.813.091	80.762.410.440	6.308.096.436	-	312.131.319.967
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.957.372.783	7.514.074.953	1.100.503.573	-	69.571.951.309
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					69.571.951.309
Doanh thu hoạt động tài chính					1.072.246.969
Chi phí tài chính					(27.475.062.576)
Thu nhập khác					447.753.485
Chi phí khác					(601.327.750)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9.623.753.042)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.272.741.225)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					32.119.067.170
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	25.000.000	190.509.299.430	513.781.818	-	191.048.081.248
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.083.011.338	3.586.358.722	588.216.635	-	6.257.586.695

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lọc	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	95.537.727.870	935.751.063.083	7.910.324.722	1.039.199.115.675
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				99.649.232.593
Tổng tài sản				1.138.848.348.268
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.750.099.738	733.507.766.759	15.070.083.578	751.327.950.075
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				42.380.622.719
Tổng nợ phải trả				793.708.572.794
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	108.241.182.041	1.001.413.328.165	1.232.746.563	1.110.887.256.769
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				94.624.672.887
Tổng tài sản				1.205.511.929.656
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.351.098.222	763.257.313.549	8.658.525.885	774.266.937.656
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				42.392.751.373
Tổng nợ phải trả				816.659.689.029

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thuê hoạt động

Công ty thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa I đối với diện tích đất sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động như sau:

Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng số 68/HĐTĐ/BH1 ngày 15 tháng 8 năm 2005:

Diện tích (m ²)	90.024,60
Tiền thuê đất (VND/m ² /năm)	800
Phí hạ tầng (USD/m ² /năm)	0,53
Thời gian thuê còn lại (năm)	38,81

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.065.166.566	1.065.786.044
Trên 1 năm đến 5 năm	4.260.666.264	4.263.144.176
Trên 5 năm	36.041.094.278	37.251.209.850
Cộng	41.366.927.108	42.580.140.070

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu khách hàng ứng trước tiền hàng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.380.978.985	-	5.380.978.985
Phải thu khách hàng	10.768.901.282	47.853.599.671	58.622.500.953
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Cộng	106.181.180.267	47.853.599.671	154.034.779.938
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.917.431.449	-	3.917.431.449
Phải thu khách hàng	68.810.086	9.611.671.992	9.680.482.078
Các khoản phải thu khác	6.300.000	-	6.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Cộng	93.992.541.535	9.611.671.992	103.604.213.527

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	47.645.046.532	-
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	167.373.110	1.073.637.025
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	36.541.659	-
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	4.638.370	8.538.034.967
Cộng	47.853.599.671	9.611.671.992

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	230.143.569.451	688.518.041.655	-	918.661.611.106
Phải trả người bán	44.649.073.976	-	-	44.649.073.976
Các khoản phải trả khác	58.341.846.964	-	-	58.341.846.964
Cộng	333.134.490.391	688.518.041.655	-	1.021.652.532.046
Số đầu năm				
Vay và nợ	301.312.769.311	558.192.844.396	86.409.985.999	945.915.599.706
Phải trả người bán	65.956.066.783	-	-	65.956.066.783
Các khoản phải trả khác	33.444.283.457	-	-	33.444.283.457
Cộng	400.713.119.551	558.192.844.396	86.409.985.999	1.045.315.949.946

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	489,67	372,78	448,08	367,99
Phải trả người bán	(1.296.600,00)	-	(2.752.287,35)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(1.296.110,33)	372,78	(2.751.839,27)	367,99

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất theo thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thị trường của Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Số dư các khoản vay có lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 670.264.936.614 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 637.047.422.209 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 13.405.298.732 VND (năm trước giảm/tăng 12.740.948.444 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Sự biến động của giá cả ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.380.978.985	-	3.917.431.449	-	5.380.978.985	3.917.431.449
Phải thu khách hàng	58.622.500.953	-	9.680.482.078	-	58.622.500.953	9.680.482.078
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	6.300.000	-	31.300.000	6.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	154.034.779.938	-	103.604.213.527	-	154.034.779.938	103.604.213.527

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	670.264.936.614	637.047.422.209	670.264.936.614	637.047.422.209
Phải trả người bán	44.649.073.976	65.956.066.783	44.649.073.976	65.956.066.783
Các khoản phải trả khác	58.341.846.964	33.444.283.457	58.341.846.964	33.444.283.457
Cộng	773.255.857.554	736.447.772.449	773.255.857.554	736.447.772.449

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2013


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	(6.391.789.603)	11.243.301.309	9.947.663.499	28.269.468.742	392.042.364.347
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	32.119.067.170	32.119.067.170
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(27.223.647.000)	(27.223.647.000)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	1.503.239.193	(4.509.717.580)	(3.006.478.387)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn	-	-	6.391.789.603	-	-	-	6.391.789.603
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	(11.470.855.106)	-	-	-	(11.470.855.106)
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	(11.470.855.106)	11.243.301.309	11.450.902.692	28.655.171.332	388.852.240.627
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	(11.470.855.106)	11.243.301.309	11.450.902.692	28.655.171.332	388.852.240.627
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(55.183.320.259)	(55.183.320.259)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn cuối năm trước	-	-	11.470.855.106	-	-	-	11.470.855.106
Số dư cuối năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	-	11.243.301.309	11.450.902.692	(26.528.148.927)	345.139.775.474

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2013


 Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Anh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc